

Số: 950/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1092/TTr-SXD ngày 05 tháng 4 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 68 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương (*Cụ thể: 49 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; 17 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã*).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:** *St*

- Cục KSTTHC - VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, KSTT, KTN, Website;
- Lưu: VT, Hiếu. *2*

**CHỦ TỊCH** *St*



**Trần Thanh Liêm**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**SỞ XÂY DỰNG/ UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 950 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.**

STT	Tên thủ tục hành chính		Cơ quan thực hiện
<b>I. Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc</b>			
1	1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng
2	2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng
3	3	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	Sở Xây dựng
<b>II. Lĩnh vực Phát triển đô thị</b>			
4	1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng
5	2	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng
6	3	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế	Sở Xây dựng

		phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	
7	4	Lấy ý kiến của sở Xây dựng đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	Sở Xây dựng
<b>III. Lĩnh vực nhà ở</b>			
8	1	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	Sở Xây dựng
9	2	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Sở Xây dựng
10	3	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng
11	4	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng
12	5	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng
13	6	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng
14	7	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng
15	8	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng
16	9	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng
17	10	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng
18	11	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng
<b>IV. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản</b>			
19	1	Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.	Sở Xây dựng

20	2	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Sở Xây dựng
21	3	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: 3.1 Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng 3.2 Do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	Sở Xây dựng
<b>V. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>			
<b>V.1 Thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán</b>			
22	1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh ( <i>Quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP</i> )	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ( <i>Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương</i> )
23	2	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) ( <i>Quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i> )	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ( <i>Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương</i> )
24	3	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh ( <i>quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP</i> )	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ( <i>Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương</i> )
<b>V.2 Thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh)</b>			
25	1	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình không theo tuyến	Sở Xây dựng
26	2	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình theo tuyến trong đô thị	Sở Xây dựng
27	3	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng	Sở Xây dựng

28	4	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo	Sở Xây dựng
29	5	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ	Sở Xây dựng
30	6	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa	Sở Xây dựng
31	7	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến	Sở Xây dựng
32	8	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị	Sở Xây dựng
33	9	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp cho dự án	Sở Xây dựng
34	10	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	Sở Xây dựng
35	11	Cấp lại giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng
36	12	Gia hạn giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng
37	13	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng
38	14	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn	Sở Xây dựng
<b>V.3 Thủ tục hành chính về cấp chứng chỉ năng lực và chứng chỉ hành nghề</b>			
39	1	Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng.	Sở Xây dựng
40	2	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức ( <i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực</i> )	Sở Xây dựng
		Cấp/ cấp lại ( <i>trường hợp CCHN hết hạn sử dụng</i> )/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung	

41	3	nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.	Sở Xây dựng
42	4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III ( <i>Trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i> ) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá XD.	Sở Xây dựng
<b>V.4 Thủ tục hành chính về cấp Giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài</b>			
43	1	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Sở Xây dựng
44	2	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Sở Xây dựng
<b>VI. Lĩnh vực về Giám định tư pháp xây dựng</b>			
45	1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
46	2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	Sở Xây dựng
47	3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Sở Xây dựng
<b>VII. Lĩnh vực về quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>			
		Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công	Sở Xây dựng, Sở Quản lý

48	1	trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	công trình xây dựng chuyên ngành ( <i>Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương</i> )
<b>VIII. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng</b>			
49	1	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng

**B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	
<b>I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>			
<b>I.1 Thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán</b>			
50	1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) ( <i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i> )	UBND cấp huyện
<b>I.2 Thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng ( trừ các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết cấp giấy phép của cấp trung ương, tỉnh).</b>			
51	1	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình không theo tuyến	UBND cấp huyện
52	2	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình theo tuyến trong đô thị	UBND cấp huyện
53	3	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo	UBND cấp huyện
54	4	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ	UBND cấp huyện
55	5	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa	UBND cấp huyện

56	6	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị	UBND cấp huyện
57	7	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp cho dự án	UBND cấp huyện
58	8	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	UBND cấp huyện
59	9	Cấp lại giấy phép xây dựng	UBND cấp huyện
60	10	Gia hạn giấy phép xây dựng	UBND cấp huyện
61	11	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	UBND cấp huyện
62	12	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn	UBND cấp huyện
<b>II. Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc</b>			
63	1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
64	2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
65	3	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	UBND cấp huyện
<b>III. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật</b>			
66	1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	UBND cấp huyện

**C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	
<b>I. Lĩnh vực Nhà ở</b>			
67	1	Cấp mới số nhà đối với hình thức đơn lẻ	UBND cấp xã
68	2	Cấp đổi, điều chỉnh số nhà	UBND cấp xã